

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2026 của UBND xã Chiên Đàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	45.038,637268	206.103,027145	161.064,389877	458
A	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới			-	
B	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới			-	
C	Chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực	44.771,317268	186.778,307728	142.006,990460	417,18
I	Chi đầu tư phát triển	4.035,507000	12.650,265845	8.614,758845	313,47
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.035,507000	12.650,265845	8.614,758845	313,47
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ			-	
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	39.627,176268	174.112,401883	134.485,225615	439,38
	Trong đó:			-	
	Chi quốc phòng	318,456000	1.511,307134	1.192,851134	474,57
	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.546,818000	1.873,686200	326,868200	121,13
	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	128,600000	75.918,428076	75.789,828076	59.034,55
	Chi Khoa học và công nghệ			-	
	Chi Y tế, dân số và gia đình	183,794000	292,743600	108,949600	159,28
	Chi Văn hóa thông tin	479,000000	1.259,086943	780,086943	262,86
	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	258,980000	485,342440	226,362440	187,41
	Chi Thể dục thể thao	205,900000	183,016252	-22,883748	88,89
	Chi Bảo vệ môi trường	166,425000	1.425,815000	1.259,390000	856,73
	Chi các hoạt động kinh tế	6.683,617390	17.165,471334	10.481,853944	256,83
	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25.706,379878	47.451,088366	21.744,708488	184,59
	Chi Bảo đảm xã hội	3.841,906000	26.502,916538	22.661,010538	689,84
	Chi khác	107,300000	43,500000	-63,800000	40,54
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	
V	Chi dự phòng ngân sách	458,000000	15,640000	-442,360000	3,41
VI	Chi tạo nguồn CCTL	650,634000		-650,634000	
VII	Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại			-	
VIII	Chi hỗ trợ các địa phương khác			-	
D	Chi nộp ngân sách cấp trên		1.210,117179	1.210,117179	
E	Chi chuyển nguồn sang năm sau		18.114,602238	18.114,602238	
F	Chi trả nợ gốc			-	
G	Chi từ nguồn tăng thu	267,320000		-267,320000	